

Grammar time 1

page 46-47

Has got



Are you ready?



1



Yes, we are.

Where's the camera?



2



He's got the camera.

She's got the camera.

Zoe hasn't got it.
Dave hasn't got it!



3

Who's got it?

Smile!



1. Has got: có (sở hữu)

2. Câu khẳng định

☐ **He/She/It + has got + danh từ**

She **has got** a cat. (Cô ấy có một con mèo.)

Tom **has got** a new bike. (Tom có một chiếc xe đạp mới.)

3. Câu phủ định

☐ **He/She/It + hasn't got + danh từ**

He **hasn't got** a car. (Anh ấy không có ô tô.)

My dog **hasn't got** long ears. (Chó của tôi không có tai dài.)

4. Câu hỏi

☐ **Has + he/she/it + got + danh từ?**

Has she got a phone? (Cô ấy có điện thoại không?)

Has your cat got blue eyes? (Mèo của bạn có mắt xanh không?)

☐ **Trả lời:**

☐ **Yes, she has.** (Vâng, cô ấy có.)

No, she hasn't. (Không, cô ấy không có.)

5. Ex

☐ **Has Anna got a dog?**

✓ **Yes, she has.**

✗ **No, she hasn't.**

☐ **Note:**

I/You/We/They → Have got

He/She/It → Has got

Positive

He	has got	the camera.
She	's got	six legs.
It		

Negative

He	has not got	the camera.
She	hasn't got	six legs.
It		

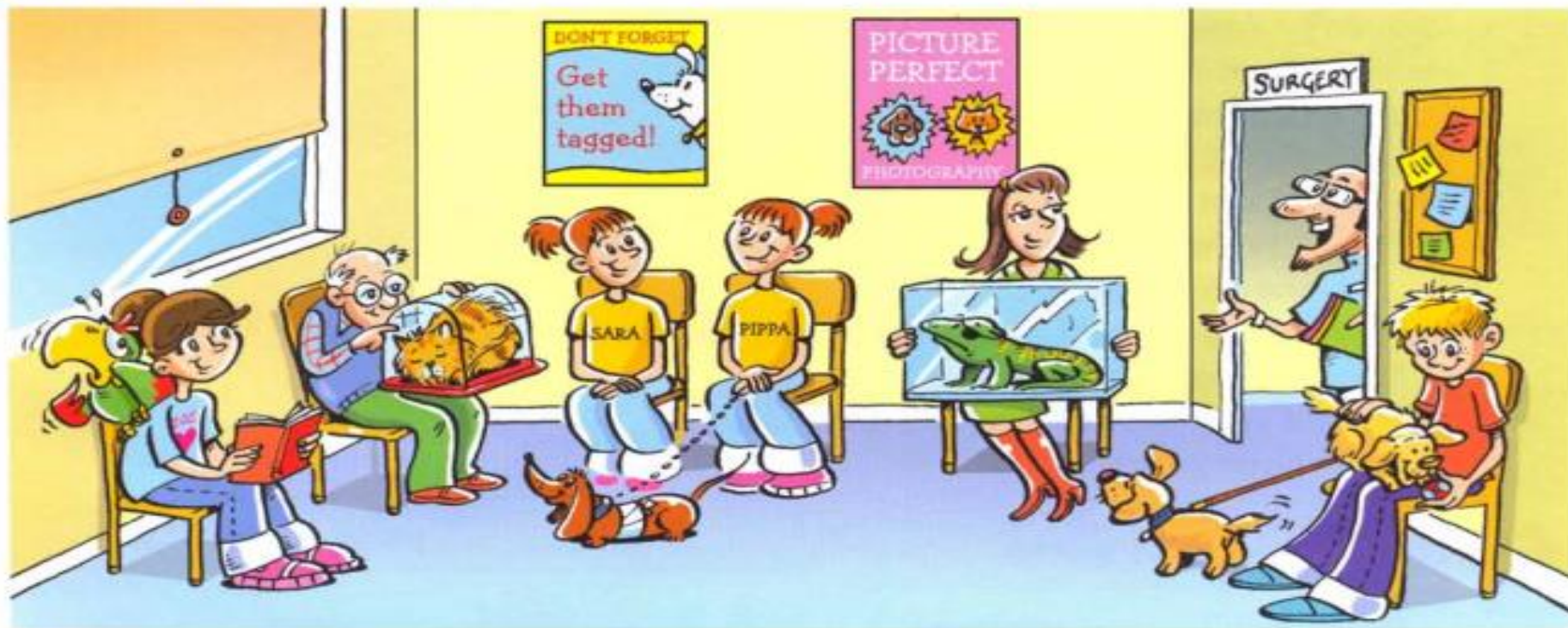
Questions

Has	he	got	the camera?
	she		six legs?
	it		

Short answers

Yes,	he	has.
No,	she	hasn't.
	it	





1 Zoe's got a mouse.

She hasn't got a mouse. She's got a parrot.

2 The boy has got two cats.

3 The girls have got a rabbit.

4 The woman has got a fish.

5 The cat has got short fur.

6 The dogs have got red collars.

5 Look, read and write.

	a cat	a CD player	a camera
Brian	✓	✗	✓
Zoe	✗	✓	✗

1 Has Brian got a cat?
Yes, he has.

2 Has Zoe got a cat?

3 a CD player?

4 a CD player?

5 a camera?

6 a camera?